

Số: 34/2019/ST - HNGĐ

Ngày 06 - 8 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng

Bà Trần Thị Hạnh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh –Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87a/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Minh P, sinh năm 1978

Địa chỉ: 16/48 T, phường T, thành phố N, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Vũ Trường G, sinh năm 1977

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: 5/661 T, phường V, thành phố N, tỉnh N (Nay là 9/667 T).

Hiện đang cư trú tại Hàn Quốc.

Tại phiên tòa: Chị P có mặt, anh G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/01/2019 và bản tự khai ngày 25/02/2019, nguyên đơn là chị Vũ Thị Minh P trình bày:

Chị và anh Vũ Trường G tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2000 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2005 thì anh G đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc qua lại và anh G đã về nước 02 lần vào các năm 2008 và năm 2011, sau đó anh G ít liên lạc rồi liên lạc thưa dần và đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh G có quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác tại Hàn Quốc. Chị đã động viên khuyên anh G rất nhiều để anh G từ bỏ và về nước chung sống với mẹ con chị nhưng anh G không đồng ý. Đến năm 2015 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị cắt đứt liên lạc với anh G, anh G bỏ mặc không quan tâm đến mẹ con chị, mẹ con chị đã chuyển khỏi gia đình nhà anh G để tạo lập cuộc sống riêng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị ly thân đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Vũ Trung K, sinh ngày 16/03/2001, và cháu Vũ Phương T sinh ngày 09/12/2005 hiện nay hai cháu đang ở với chị nên đề nghị Tòa án giao cháu K và cháu Thảo cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại đơn đề nghị ngày 10/01/2019, cháu Vũ Trung K và cháu Vũ Phương T đều có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

* Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2019 và biên bản làm việc ngày 05/7/2019 bà Bùi Thị N - là mẹ đẻ của anh Vũ Trường G trình bày:

Bà N xác nhận anh Vũ Trường G - sinh năm 1977 là con trai bà, anh kết hôn với chị Vũ Thị Minh P năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2005 thì anh G đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng chị P, anh G vẫn liên lạc qua lại và anh G đã về nước 02 lần vào các năm 2008 và năm 2011, từ năm 2011 đến nay anh G chưa về nước lần nào. Năm 2013 thì vợ chồng anh G phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P phát hiện anh G có quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác tại Hàn Quốc. Đến năm 2015 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mẹ con chị P đã chuyển ra ở riêng tại địa chỉ phường T, thành phố N từ đó đến nay không quay lại nhà bà nữa, cắt đứt mọi quan hệ với gia đình bà. Bà xác định mâu thuẫn giữa anh G và chị P đã căng thẳng trầm trọng từ năm 2015 đến nay, anh chị không có khả năng quay về đoàn tụ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh G thường xuyên điện thoại về hỏi thăm sức khỏe và gửi tiền về cho bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh G tại Hàn Quốc. Tòa án đề nghị bà N thông báo cho anh G về việc chị P xin ly hôn anh G tại Tòa án tỉnh Nam Định và gửi lời khai về cho Tòa án nhưng bà không thực hiện. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bà N và yêu cầu bà thông báo cho anh G biết nhưng bà N từ chối nhận.

* Công văn số 9132/QLXNC-P5 ngày 07/6/2019 cung cấp: Anh Vũ Trường G, sinh ngày 19/3/1977, địa chỉ 5/661 T, V, N đã xuất nhập cảnh 5 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 23/6/2011, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

* Tại phiên tòa chị P giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2, Phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Minh P và anh Vũ Trường G. Giao cháu cháu Vũ Trung K, sinh ngày 16/03/2001 và cháu Vũ Phương T sinh ngày 09/12/2005 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí ly hôn sơ thẩm chị P phải nộp theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh G là bị đơn trong vụ án vắng mặt không có lý do, Tòa án đã thông qua thân nhân của bị đơn và có căn cứ để xác định họ vẫn có liên hệ với thân nhân ở trong nước nhưng thân nhân của họ không cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho Tòa án nên coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của họ cũng không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án xét xử vắng mặt anh G theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Chị Vũ Thị Minh P và Vũ Trường G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh N vào ngày 18/10/2000 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì anh G đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc. Do vợ chồng xa cách nhiều năm nên tình cảm phai nhạt, dẫn đến không quan tâm đến nhau và phát sinh mâu thuẫn, anh G có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác tại Hàn Quốc, chị P xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử lý hôn giữa chị P và anh G là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Trung K, sinh ngày 16/3/2001 và Vũ Phương T sinh ngày 09/12/2005, các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy cần giao cháu K và cháu Thảo cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và điều kiện thực tế hiện nay của các đương sự. Chị P tự nguyện không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung nên được chấp nhận.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Minh P và anh Vũ Trường G.

2. Giao cháu cháu Vũ Trung K, sinh ngày 16/3/2001 và cháu Vũ Phương T, sinh ngày 09/12/2005 cho chị Vũ Thị Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh G không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị P.

3. Án phí: Chị Vũ Thị Minh P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000901 ngày 04/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị P có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt qua người thân hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Tiến Dũng
(Đã ký)**